Na	me :		(	( )	Date	:				
		*	with the			ructure.				
	structio ructure.							llowing the		nce
1.	ob 的 学							oor of the sch <sup>hoi</sup> you 还有		shì 室,
										· ·
							- 1	y on the 2 <sup>nd</sup> f		hái võu
2.	办公室	至、 图	书馆	二楼	有	教室、	有	yīn le shì 音乐室,	有	还有
5										
				ce is at	the righ	t side of t	he mus	ic room.		
3.	hàn gōng sh 办公室	在	yòu biản 右边	音	yuè shì 乐室	的			7	
2										
			At the	left sic	de of the	z music roo	m is lit	orary.		
4.	zuð biðn 左边	yin yuè 音乐:	shi shi 室 是	的	图书					
_										

	wŏ	de	zài		sroom is tl						
5.	我	的	在	教室	er jiār — jiā	] =	.楼 🦸	育 的			
	wŏ	xué xi	ào		I like the s			the mos	t.		
).	我	学村	交 —	最 图	shû guản 书馆	的	喜欢				
					the librar						
7.	下课	Ę.	我	图书台	南 安 个	都	到	会	看书。	)	
						×		**			
		I	like	my school	very much	ı, becaı	ise my so	chool is	clean and	pretty.	
8.	我的		我	xǐ huân 喜欢	xué xiào 学校,	hěn 很	yin wéi 因为	yòu 又	gān jìng 干净	piāo liàng 漂亮	我的
	xué xiào 学校		yòu 又								